

Số: 99 /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội Quý I và một số nhiệm vụ trọng tâm Quý II năm 2018

Phần I

Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Quý I

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIII và Nghị quyết HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, với phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*”; đồng thời là “Năm dân vận chính quyền” góp phần xây dựng chính quyền các cấp liêm chính, kiến tạo, phục vụ nhân dân; ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP, UBND Tỉnh đã kịp thời ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 tập trung triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018; Đồng thời tập trung chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo; chủ động đẩy mạnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội quý I đạt được như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của các ngành, lĩnh vực:

1. Về kinh tế: Tổng giá trị sản xuất các ngành ước đạt 6.735 tỷ đồng, tăng 11,5% so cùng kỳ, cụ thể từng ngành, lĩnh vực như sau:

b) Về nông, lâm, ngư nghiệp: Giá trị sản xuất toàn ngành ước đạt 1.767 tỷ đồng, tăng 10,4% cùng kỳ, trong đó: nông lâm nghiệp 491 tỷ đồng, tăng 2,6% và thủy sản 1.276 tỷ đồng, tăng 13,7%;

- Nông nghiệp: Diện tích gieo trồng vụ Đông-Xuân được tập trung chỉ đạo bảo đảm theo đúng lịch thời vụ và đạt 26.193 ha, tăng 3,5% cùng kỳ, vượt 0,7% KH; công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng và xây dựng cánh đồng mẫu lớn được chú trọng. Đến ngày 28/3/2018 đã chuyển đổi 528 ha, gắn với bao tiêu sản phẩm cho nông dân¹; sản lượng một số cây trồng chủ lực tăng khá²; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ, không xảy ra dịch bệnh;

- Lâm nghiệp: Những tồn tại trong quản lý rừng và đất rừng được tập trung chỉ đạo khắc phục; công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng được triển khai đồng bộ các biện pháp, trong đó tăng cường tuần tra truy quét, phát hiện, xử lý kịp thời các vụ vi phạm lâm luật³;

¹ Đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng 528 ha, đạt 35,2% KH năm, triển khai thực hiện có hiệu quả cánh đồng mẫu lớn, với tổng DT 986 ha.

² Lúa 108.262 tấn, tăng 2,5%; bắp 15.186 tấn, tăng 9,8%; cây có hạt khác 113 tấn, tăng 5,6 lần so cùng kỳ.

³ Trong quý phát hiện 120 vụ vi phạm, giảm 45 vụ so cùng kỳ, xử lý 102 vụ, nộp NS trên 57,95 triệu đồng và tịch thu nhiều tang vật khác.

- Thủy sản: Tình hình thời tiết, ngư trường tương đối thuận lợi, sau Tết số lượng tàu thuyền tham gia đánh bắt tăng, sản lượng khai thác ước đạt 25.406 tấn, tăng 4,5% cùng kỳ; sản xuất tôm giống được phục hồi và tăng cao, tăng 63,7%⁴; tôm thương phẩm thu hoạch trong quý ước đạt 631 tấn, giảm 32,6% cùng kỳ; các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo các Nghị định của Chính phủ tiếp tục triển khai đạt kết quả tích cực⁵;

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: Ban hành kịp thời kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới năm 2018; đang triển khai xây dựng các tiêu chí xét công nhận xã đạt chuẩn nâng cao giai đoạn 2018-2020; tổ chức kịp thời Lễ công bố công nhận 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới⁶, nâng tổng số lên 17 xã.

b) Về công nghiệp - xây dựng: Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp – xây dựng ước đạt 1.962 tỷ đồng, tăng 13,1% cùng kỳ.

- Về Công nghiệp: Hoạt động sản xuất công nghiệp được các doanh nghiệp tập trung triển khai ngay sau kỳ nghỉ Tết với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc. Nổi lên là lĩnh vực năng lượng tái tạo có chuyển biến tích cực, một số dự án tiếp tục được Trung ương bổ sung vào quy hoạch⁷ và cùng với một số dự án về công nghiệp chế biến, thương mại đang tập trung đẩy nhanh tiến độ khởi công xây dựng; sản lượng một số sản phẩm chính tăng khá⁸, giá trị sản xuất ngành công nghiệp ước đạt 1.547 tỷ đồng, tăng 14,8% cùng kỳ; giá trị kim ngạch xuất khẩu ước đạt 13,8 triệu USD, tăng 49,7% so cùng kỳ⁹;

- Về Xây dựng: Công tác quản lý trật tự xây dựng tiếp tục được xác định là nhiệm vụ đột phá, gắn với tăng cường công tác quản lý, khai thác quỹ đất dọc 2 bên các tuyến đường đầu tư mới đang được tập trung chỉ đạo nhiều giải pháp triển khai thực hiện; công tác quản lý kiến trúc quy hoạch xây dựng, chương trình phát triển đô thị mới¹⁰, công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật và các dự án đầu tư theo hình thức BT được tập trung chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ; giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 414 tỷ đồng, tăng 7%.

c) Các ngành dịch vụ: Giá trị sản xuất toàn ngành dịch vụ ước đạt 3.005 tỷ đồng, tăng 11,1% cùng kỳ. Thị trường dịch vụ phục vụ tết và sau tết sôi động đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của du khách và người dân thông qua công tác triển

⁴ SX tôm giống ước đạt 8,5 tỷ con, đạt 34% kế hoạch, tăng 63,7% so cùng kỳ;

⁵ Đến nay đã hạ thủy 36 tàu, tăng 11 tàu so với cuối năm 2017; đã giải ngân 382,9/422,6 tỷ đồng, đạt 90,6% kế hoạch theo các Nghị định 67,89,17 của Chính phủ.

⁶ Xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải.

⁷ Bổ sung quy hoạch 8 dự án/590 MW; nâng tổng số dự án được bổ sung quy hoạch là 22 dự án/1.504 MW. Trong quý đã khởi công 2 dự án điện gió, điện mặt trời.

⁸ Muối các loại tăng 4,3 lần; gạch không nung tăng 91,3%; chế biến tôm đông lạnh tăng 68,8%; nhân hạt điều tăng 11,2%; may mặc tăng 36,1%; phân hữu cơ tăng 30%; điện thương phẩm tăng 14%; bia tăng 6,3%; khăn bông tăng 11,4% Điện sản xuất giảm 5,3%; muối chế biến giảm 5,6%; tinh bột mỳ giảm 16,3%; rau cau giảm 6,4%...

⁹ Trong đó Thủy sản đạt 7,9 triệu USD, tăng 98%; nông sản 5,4 triệu USD tăng 13% so cùng kỳ.

¹⁰ Đang xem xét phê duyệt 04 đồ án QH: (1) QH xây dựng phía Tây Nam đô thị Thanh Hải; (2) QH xây dựng đô thị Cà Ná; (3) QH chi tiết khu nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Đò; (4) QH phân khu KCN Du Long. Công nhận chủ đầu tư 5 khu đô thị mới, KDC: 3 khu đô thị Đông Nam 1,2, Khánh Hải và 2 KDC Bắc Sông Ông, phường Phú Hà. Đang xem xét phê duyệt Chương trình phát đô thị thành phố PRTC và thị trấn Phước Dân giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục thi công các khu đô thị K1, đô thị biển Bình Sơn – Ninh Chữ, Khu đô thị K2, Khu đô thị D2-D7, hạ tầng khu phố Đông Hải, KDC Tháp Chàm 1, KDC Chí Lành; nhà ở xã hội D7-D10, nhà ở xã hội Phú Thịnh....

khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp về bình ổn giá, kiểm soát và phát triển thị trường;

Hoạt động du lịch sôi động và khởi sắc, lượng du khách đến tỉnh trong dịp Tết tăng khá, góp phần thu hút hơn 735,5 ngàn lượt người, tăng 12,2% cùng kỳ¹¹; tổng doanh thu du lịch ước đạt 234 tỷ đồng, tăng 7,8%;

Hoạt động công nghệ thông tin chất lượng có được nâng lên và mở rộng ứng dụng trong cơ quan hành chính nhà nước; quản lý về xuất bản báo chí tiếp tục được tăng cường, thẩm định và cấp mới 23 giấy phép; bưu chính viễn thông được duy trì, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt¹²;

Dịch vụ vận tải: Phương tiện vận chuyển, nhất là vận chuyển hành khách được đầu tư nâng cao tiện ích đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân trong những ngày trước và sau Tết; khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 5,6%, luân chuyển hành khách tăng 8,5%.

d) Quản lý tài nguyên và môi trường: Tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai được xác định là nhiệm vụ đột phá đang được tập trung chỉ đạo triển khai với nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ; trong quý đã phối hợp với các Tổng cục thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị phổ biến kịp thời các quy định mới về đất đai, khoáng sản, môi trường và đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp; đồng thời chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo kế hoạch.

e) Tài chính, ngân hàng:

- Tài chính: Công tác thu ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo, gắn với triển khai kịp thời các quy định mới về quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài chính doanh nghiệp; tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 573 tỷ đồng, bằng 25 % kế hoạch năm, tăng 14,3 % so cùng kỳ, trong đó thu nội địa ước đạt 570 tỷ đồng, tăng 13,8%, thu Hải quan 3 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách 03 tháng ước đạt 1.300 tỷ đồng, bằng 24,6% dự toán năm;

- Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn và thực hiện nghiêm các quy định về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, tỷ giá và hoạt động ngoại hối phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, nhất là trong dịp Tết Nguyên Đán; chương trình kết nối Ngân hàng với Doanh nghiệp đạt kết quả bước đầu¹³.

f) Kế hoạch và Đầu tư: Phân khai kịp thời các nguồn vốn; công tác thu hút các nguồn lực đầu tư được tập trung chỉ đạo, nhất là hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù và bổ sung nguồn vốn thanh toán dự án tuyến đường ven biển; chỉ đạo hoàn tất thủ tục hồ sơ các dự án khởi công mới và kiến nghị bổ sung vào kế hoạch trung hạn các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Trung ương. Đến cuối quý I đã giải ngân 383,4 tỷ đồng, đạt 28,4% kế hoạch năm¹⁴;

¹¹ Trong đó khách quốc tế 45,5 ngàn lượt, đạt 46% KH, tăng 4,5% cùng kỳ, khách trong nước 690 ngàn lượt, tăng 12,8% cùng kỳ.

¹² Tổng số 44.769 thuê bao điện thoại các loại, đạt 7,3 máy/100 dân; 148.400 thuê bao internet, đạt 24,2 thuê bao/100 dân.

¹³ Tại Hội nghị có 9 doanh nghiệp tham gia ký kết, với tổng vốn 499 tỷ đồng, đã giải ngân 55 tỷ đồng, đạt 11%.

¹⁴ Trong đó vốn trong nước giải ngân 363,9 tỷ đồng, đạt 33,2% KH, vốn ngoài nước giải ngân 19,5 tỷ đồng, đạt 7,7% KH

Về thu hút đầu tư các thành phần kinh tế: Tiếp tục có chuyển biến tích cực, nổi lên thu hút các dự án đầu tư FDI đứng thứ 3 trong cả nước¹⁵, đến ngày 15/3/2018 đã cấp quyết định chủ trương đầu tư và chấp thuận chủ trương địa điểm 25 dự án tăng 2,5 lần, vốn đăng ký tăng 2,1 lần so cùng kỳ¹⁶; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, chỉ số PCI năm 2017 tăng 11 bậc và đứng thứ 38 cả nước;

Về công tác đối ngoại: Chỉ đạo rà soát triển khai 4 Bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các tổ chức quốc tế; đồng thời phối hợp chuẩn bị các bản ghi nhớ hợp tác với đối tác Hàn Quốc về thu hút đầu tư các lĩnh vực Tỉnh có lợi thế.

g) Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể:

- Công tác phát triển và hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp được tập trung chỉ đạo với nhiều giải pháp đồng bộ; số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng khá, tăng 22,1% số doanh nghiệp và số vốn đăng ký tăng gấp 6 lần so cùng kỳ¹⁷;

- Kinh tế tập thể được tập trung chỉ đạo gắn với phát triển các chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch.

2. Lĩnh vực Xã hội:

a) Giáo dục - Đào tạo và khoa học công nghệ:

- Giáo dục – Đào tạo: Công tác sắp xếp mạng lưới trường lớp học được tập trung triển khai và đạt kết quả bước đầu; quy mô học sinh các cấp học được duy trì, kết quả xếp loại học lực khá, giỏi học kỳ I cấp THCS, THPT đều tăng¹⁸; tổ chức thành công các kỳ thi, hội thi học sinh giỏi, cán bộ quản lý giỏi¹⁹. Cơ sở vật chất trường lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia²⁰, tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày đạt 63,6%. Tuy nhiên quy mô đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề có giảm so cùng kỳ²¹;

- Khoa học công nghệ: Triển khai 44 đề tài, trong đó có 11 đề tài mới²², chủ yếu trên các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất giống cây trồng và vật nuôi trong điều kiện khô hạn và biến đổi khí hậu, trong đó đã xét chọn 01 đề tài “Nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ vi sinh chế biến thức ăn gia súc” và tổ chức nghiệm thu 01 đề tài “Nhiễm khuẩn bệnh viện”; đồng thời hướng dẫn hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho 4

¹⁵ Đứng thứ 3 sau thành phố HCM 86,2 triệu USD, Nam Định 80 triệu USD, Ninh Thuận 60 triệu USD.

¹⁶ Đến ngày 15/3/2018 đã cấp 25 dự án, với tổng vốn 20.679 tỷ đồng, trong đó quyết định chủ trương đầu tư 20 dự án/17.008 tỷ đồng, chấp thuận chủ trương địa điểm 5 dự án/ 3.671 tỷ đồng.

¹⁷ Đến ngày 15/3/2018 có 94 DN thành lập mới, tăng 22,1% và số vốn đăng ký 3.841 tỷ đồng, gấp 6 lần cùng kỳ. đăng ký doanh nghiệp qua mạng tăng khá, tăng 45,9% cùng kỳ; có 17 doanh nghiệp giải thể, tăng 7 doanh nghiệp so cùng kỳ; đáng lưu ý trong quý có 28 doanh nghiệp đã tạm ngừng hoạt động trong năm 2017, nay đã quay trở lại sản xuất kinh doanh, tăng 3,1 lần cùng kỳ.

¹⁸ Xếp loại học lực khá giỏi học kỳ I: THCS 48,6%, tăng 1%, THPT 37,1%, tăng 3,3% so cùng kỳ. Huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp đạt 68,3%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 98,7%. Tỷ lệ bỏ học các cấp 0,5%, bằng cùng kỳ, trong đó TH 0,08, giảm 0,01%, THCS 0,79%, tăng 0,06%, THPT 1,54% giảm 0,01% so cùng kỳ.

¹⁹ Tổ chức kỳ thi khoa học kỹ thuật cho học sinh THCS và THPT, có 55 học sinh/39 sản phẩm tham gia, trong đó có 6 sản phẩm KHKT được chọn tham dự thi cấp quốc gia.

²⁰ Trong quý có 02 trường phổ thông được công nhận mới đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 88/235 trường, đạt 37,4%, trong đó: TH 59/152 trường, đạt 38,8%, THCS 26/64 trường, đạt 40,6%, THPT 3/20 trường, đạt 15%; riêng Mầm non 12/92 trường, đạt 13%.

²¹ Tổng số 1.806 sinh viên, giảm 25%, trong đó Phân hiệu Đại học Nông lâm 753 sinh viên, giảm 18,8%; Cao đẳng sư phạm 618 giáo sinh giảm 34%; Trường Trung cấp Y tế 271 sinh viên, giảm 10,9%; Trung cấp Việt Thuận 164 học viên, giảm 33,1%.

Đào tạo 1.653 học viên tr.cấp, cao đẳng nghề, giảm 3,3%; 1.395 học viên sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng, giảm 4,4% cùng kỳ.

²² Có 9 đề tài, dự án cấp quốc gia, trong đó 4 đề tài mới; 35 đề tài, dự án cấp tỉnh, trong đó 7 đề tài, dự án mới.

lượt doanh nghiệp. Công tác kiểm tra tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong quý đã kiểm tra 12 cơ sở sản xuất kinh doanh đều đáp ứng yêu cầu theo quy định.

b) Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Chất lượng khám chữa bệnh và phong cách thái độ phục vụ có được nâng lên, số bệnh nhân chuyển tuyến trên đều giảm²³. Công tác y tế dự phòng được tăng cường, tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, không để bùng phát thành dịch²⁴. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được tập trung chỉ đạo nhiều biện pháp đồng bộ; công tác phòng chống HIV/AIDS và dân số, kế hoạch hóa gia đình được chú trọng triển khai²⁵; tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Bệnh viện vệ tinh và Đề án 1816;

Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm²⁶, công tác vận động các tổ chức từ thiện khám và chữa bệnh cho đối tượng chính sách và trẻ em tiếp tục phát huy hiệu quả²⁷.

c) Lao động, việc làm và kết quả thực hiện các chính sách xã hội: Tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, đúng đối tượng, không để xảy ra sai sót. Trong dịp Tết Nguyên Đán đã tổ chức các Đoàn đến thăm, tặng quà cho các tổ chức, cá nhân và gia đình chính sách²⁸; cấp phát kịp thời gạo hỗ trợ của Chính phủ cho các hộ nghèo bảo đảm công khai, đúng đối tượng²⁹. Công tác tổ chức đón tết cho đồng bào dân tộc Raglai được quan tâm chỉ đạo đạt kết quả thiết thực. Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn được quan tâm triển khai³⁰; công tác xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực³¹.

d) Văn hóa, thể thao, phát thanh truyền hình: Tập trung tuyên truyền kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng, tuyên truyền các hoạt động ý nghĩa, thiết thực chăm lo Tết cho các gia đình chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc Raglai; Đồng thời chỉ đạo triển khai nhiều hoạt động vui xuân, đón Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018 phong phú đa dạng diễn ra trên khắp địa bàn các huyện, thành phố trong Tỉnh. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở và giao lưu trực tuyến trên truyền hình được quan tâm thực hiện, chất lượng được nâng lên³².

²³ Số BN chuyển lên tuyến trên giảm so cùng kỳ: BVĐK tỉnh giảm 0,3%, BV Lao và phổi 2,8%, BV ĐKKV Ninh Sơn giảm 0,4%.

²⁴ Bệnh sốt xuất huyết 80 ca, giảm 61 ca, tay chân miệng 10 ca, giảm 160 ca. Riêng bệnh quai bị 31 ca, tăng 25 ca, thủy đậu 11 ca, tăng 4 ca, lỵ 7 ca, tăng 01 ca so cùng kỳ

²⁵ Tổ chức kiểm tra 2.065 cơ sở, có 79% cơ sở đạt tiêu chuẩn, không xảy ra ngộ độc thực phẩm; đã xét nghiệm cho 2.295 người và phát hiện 11 ca dương tính, nâng tổng số người nhiễm HIV lên 471 người; có 39.770 người áp dụng biện pháp tránh thai, đạt 85% KH.

²⁶ Trong dịp Tết Mậu Tuất đã vận động các tổ chức, cá nhân trao 142 suất học bổng/127,5 triệu và 230 suất quà/68 triệu cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh.

²⁷ Đã tổ chức khám sàng lọc tìm bẩm sinh cho 200 em, khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho 1.100 người thuộc đối tượng già neo đơn và gia đình chính sách tại xã Vĩnh Hải, Ninh Hải và đồng bào Raglai xã Ma Nời huyện Ninh Sơn.

²⁸ Trên 124.264 suất quà/trị giá trên 38,527 tỷ đồng, trong đó: Các ngành trong Tỉnh tặng 51.928 suất/11.527 triệu đồng; tổ chức, doanh nghiệp và nhà hảo tâm tặng 72.336 suất quà, hơn 27 tỷ đồng, hơn 19 tấn gạo, 40 thùng mỹ phẩm. Ngoài ra tặng vé xe trị giá 2,7 tỷ đồng, hỗ trợ sửa chữa 4 căn nhà/140 triệu đồng cho công nhân nghèo đón Tết.

²⁹ Cấp phát 956,685 tấn gạo cho 15.829 hộ nghèo.

³⁰ Cấp mới 185.710 thẻ BHYT, trong đó: Hộ nghèo 26.605 thẻ, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ ở vùng ĐBKK 117.357 thẻ, hộ cận nghèo 41.748 thẻ; chi trả Bảo hiểm thất nghiệp và hỗ trợ học nghề cho 720 lao động/8 tỷ đồng; hỗ trợ 164.700 kg gạo cho 2.635 học sinh vùng ĐBKK.

³¹ Đến ngày 19/3/2018 có 63 người đi lao động tại nước ngoài, đạt 52,5% KH và tăng 1,5 lần so cùng kỳ.

³² Đã tổ chức 48 buổi biểu diễn nghệ thuật, trong đó phục vụ miền núi 15 buổi với hơn 55 ngàn lượt người xem; chiếu phim lưu động 175 buổi ở các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa phục vụ hơn 34 ngàn lượt người xem;

II. Công tác nội chính và xây dựng chính quyền:

1. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính: Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp được tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án kiện toàn theo tinh thần Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy; công tác thành lập và kiện toàn các Ban Chỉ đạo được quan tâm chỉ đạo triển khai. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết TW4 gắn với thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về tăng cường xây dựng chính đồn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường;

Công tác thi đua-khen thưởng được quan tâm với nhiều đợt phát động và ký kết giao ước thi đua năm 2018³³, tổ chức khen thưởng kịp thời góp phần động viên các nhân tố mới trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương³⁴.

2. Công tác tư pháp, thanh tra, phòng chống tham nhũng, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân: Công tác soạn thảo và ban hành văn bản QPPL được quan tâm chỉ đạo, tính hợp hiến, hợp pháp được bảo đảm, hiệu quả và tính khả thi được nâng lên; đã ban hành kịp thời đồng bộ các kế hoạch thanh tra và phòng chống tham nhũng, trong quý các tổ chức thanh tra các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, kế hoạch và kiến nghị xử lý kịp thời theo quy định³⁵; công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm, giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật³⁶.

III. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

Tổ chức giao quân năm 2018 đạt 100% chỉ tiêu giao, bảo đảm an toàn. Trong quý các lực lượng vũ trang của Tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau Tết Nguyên đán và các sự kiện quan trọng của Tỉnh; thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các vùng trọng điểm, phức tạp nắm tình hình và kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra³⁷;

An toàn giao thông: Tuy được tập trung tăng cường kiểm tra, tuần tra việc chấp hành Luật giao thông đường bộ trên các tuyến giao thông trọng điểm, nhưng tình hình tai nạn giao thông trong quý diễn biến phức tạp³⁸.

Tóm lại: Triển khai thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2018 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen, UBND tỉnh đã kịp thời quán triệt và ban hành kế hoạch triển khai, cụ thể hóa kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo

³³ Thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh năm 2018; thi đua Mừng Đảng-Mừng Xuân Mậu Tuất năm 2018, lập thành tích xuất sắc chào mừng kỷ niệm 88 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2018).

³⁴ UBND tỉnh tặng Cờ thi đua cho 14 tập thể, khen thưởng 24 tập thể lao động xuất sắc, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho 5 cá nhân, tặng Bằng khen cho 145 tập thể và 102 cá nhân.

³⁵ Trong quý đã thực hiện 60/248 cuộc thanh tra, kết thúc 33 cuộc, kiến nghị thu hồi 417 triệu đồng, kiến nghị xử lý hành chính 04 tập thể và 02 cá nhân.

³⁶ Trong quý các cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 483 lượt công dân; đã giải quyết 296/400 vụ khiếu nại tố cáo; đã kiến nghị khôi phục quyền lợi hợp pháp cho công dân 15 triệu đồng và 500m² đất.

³⁷ Trong quý đã xảy ra 65 vụ tội phạm hình sự, tăng 02 vụ, trong đó có 03 vụ trọng án; Biên phòng tỉnh đã tuần tra 305 lượt, kiểm tra 1.783 lượt phương tiện, 800 lượt tàu du lịch/14.016 lượt khách đi tham quan du lịch và làm thủ tục nhập, xuất cho 07 lượt tàu, vận chuyển 3.550 tấn muối và 1.760 tấn cát.

³⁸ Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông, đến ngày 15/3/2018 đã xảy ra 65 vụ, trong đó có 20 vụ nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, tăng 4 vụ, chết 20 người (bằng cùng kỳ), bị thương 14 người, tăng 11 người.

điều hành theo Nghị quyết của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, đề ra chương trình công tác trọng tâm, nhiệm vụ đột phá để tập trung chỉ đạo, đã khơi dậy tinh thần chủ động, vượt khó, phát huy nội lực của các cấp, các ngành và địa phương, sự nỗ lực, sáng tạo của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội quý I chuyển biến tích cực, một số lĩnh vực tăng trưởng nhanh, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt thứ hạng cao, số doanh nghiệp quy mô lớn thành lập mới tăng khá, chỉ số PCI được cải thiện; thu ngân sách đạt khá; xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực; vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, dịch bệnh được kiểm soát. Công tác chỉ đạo điều hành đã bám sát và triển khai đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, chương trình trọng tâm, nhiệm vụ đột phá, các chủ trương, giải pháp về cơ chế chính sách đặc thù và thu hút phát triển các nhóm ngành đột phá, trụ cột được tập trung chỉ đạo triển khai. Lĩnh vực xã hội: Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, các hộ nghèo được thực hiện tốt hơn; công tác tổ chức cho nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên Đán đạt được mục tiêu: vui tươi, phấn khởi, an toàn, tiết kiệm; công tác giao quân bảo đảm an toàn, đạt chỉ tiêu và chất lượng; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo;

Nguyên nhân đạt được: Cùng với sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và hỗ trợ của các Bộ ngành trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành quyết liệt của UBND Tỉnh ngay từ đầu năm; công tác phối hợp tham mưu của các cấp, các ngành và các địa phương được chủ động, có trách nhiệm hơn, bám sát chương trình trọng tâm, nhiệm vụ đột phá có hướng đến mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2020 của ngành, địa phương; sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận của người dân được tốt hơn;

Một số khó khăn hạn chế: Một số cơ sở sản xuất công nghiệp khó khăn về tiêu thụ sản phẩm và nguyên liệu đầu vào; hạn hán cục bộ xuất hiện trên diện rộng sẽ ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới; việc hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp một số trường hợp thiếu phương án căn cơ để giải quyết rất ráo đến cùng; nguồn lực đất đai một số nơi chưa được quản lý, khai thác hiệu quả, khó khăn trong giải phóng đền bù và tạo nguồn thu cho ngân sách; kịch bản tăng trưởng một số ngành, lĩnh vực chưa được xây dựng, tổng hợp kịp thời đầy đủ; quy mô đào tạo giảm; kỷ luật, kỷ cương hành chính một số nơi chưa nghiêm³⁹; một số sở ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chưa kịp thời⁴⁰; thủ tục hành chính chưa thật sự thông thoáng; tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp;

Nguyên nhân chủ yếu đó là: Công tác phối hợp và trách nhiệm người đứng đầu một số cơ quan chưa cao, chưa chủ động tháo gỡ hoặc tham mưu tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ công chức chưa chủ động, tích cực trong công tác tham mưu và tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa hiệu quả, chưa thường xuyên, kịp thời.

³⁹ Có 4/6 đơn vị vi phạm giờ giấc làm việc.

⁴⁰ Đến ngày 19/3/2018 đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành 17/26 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao hoàn thành trong quý I/2018 tại QĐ số 12/QĐ-UBND về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp theo NQ 01 của Chính phủ.

Phần II

Một số nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2018

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2018, ngoài những nhiệm vụ trọng tâm đã được ban hành, các cấp, các ngành cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu, cụ thể:

1. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, chương trình hành động của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, trọng tâm tạo sự chuyển biến rõ nét trong thực hiện hai khâu đột phá về phát triển năng lượng tái tạo và kinh tế biển, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

2. Bám sát và triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh giao tại quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 11/01/2018, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 01 của Chính phủ.

3. Sản xuất nông nghiệp: Kiểm tra, có phương án cân đối, điều tiết và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn nước. Rà soát nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nhân rộng các mô hình cánh đồng mẫu lớn theo kế hoạch; chỉ đạo hoàn tất, ban hành các Đề án về phát triển nông nghiệp đã triển khai⁴¹; rà soát đánh giá nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chỉ đạo hoàn tất thủ tục kiến nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng đối với các dự án đầu tư bị ảnh hưởng.

4. Sản xuất công nghiệp – xây dựng: Tập trung chỉ đạo hoàn thành đúng tiến độ kịch bản tăng trưởng hàng quý của ngành công nghiệp – xây dựng có hướng đến mục tiêu năm 2020, trên cơ sở hỗ trợ khai thác tốt nhất các năng lực sản xuất hiện có và đẩy mạnh thực hiện lĩnh vực đột phá về năng lượng tái tạo, các khu cụm công nghiệp và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tạo đột phá trong tăng trưởng ngành công nghiệp – xây dựng. Hoàn thành phê duyệt quy hoạch điện mặt trời và Đề án xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm năng lượng tái tạo; tiếp tục hỗ trợ khởi công mới các dự án năng lượng tái tạo theo kế hoạch; Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm khu kinh tế phía Nam. Hoàn thành phê duyệt phương án tổng thể quản lý, khai thác quỹ đất các tuyến đường đầu tư mới, trước mắt chỉ đạo giải quyết dứt điểm các hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất 2 bên tuyến đường Nguyễn Văn Cừ-Nguyễn Thị Minh Khai và Hải Thượng Lãn Ông theo đề án được duyệt.

5. Các ngành thương mại - dịch vụ: Chỉ đạo hoàn tất phương án tổng thể kết nối giữa các ngành trong thực hiện các chuỗi giá trị, tạo chuyển biến rõ nét trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc thù của Tỉnh; nhân rộng mô hình thí điểm chợ an toàn thực phẩm; tăng cường các biện pháp quản lý thị trường, bảo hộ hàng hóa của Tỉnh; đẩy nhanh tiến độ các dự án thương mại đã cấp phép đầu tư.

6. Quản lý tài nguyên môi trường: Tăng cường quản lý hiệu quả đất đai, tài nguyên, môi trường, kịp thời xử lý các trường hợp được gia hạn thời gian sử dụng đất nhưng chậm hoặc không nộp tiền sử dụng đất theo quy định; tập trung làm tốt

⁴¹ Đề án Thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đề án Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác nông nghiệp và Đề án Mỗi xã một sản phẩm.

công tác đền bù giải phóng mặt bằng, nhất là những dự án động lực hoặc dự án sử dụng nhiều đất. Chỉ đạo hướng dẫn quy trình, thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp nhà đầu tư tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời đơn giá thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tạo nguồn thu ngân sách. Khắc phục các tồn tại, hạn chế theo kết luận thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Tài chính, ngân hàng: Kiểm tra giải quyết kịp thời các vướng mắc trong giải ngân các nguồn vốn; chỉ đạo xây dựng các giải pháp chống thất thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu, nhất là các nguồn thu mới; đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giá dịch vụ công theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII). Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận các nguồn vốn vay lãi suất thấp.

8. Kế hoạch và Đầu tư: Tập trung thực hiện kịp thời, có chất lượng các nhiệm vụ được giao trong chương trình công tác của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, trước mắt hoàn thành Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược Biển và 7 năm thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh; hoàn tất hồ sơ điều chỉnh Nghị quyết HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; chỉ đạo triển khai một số nội dung trong cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù; đổi mới và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp; triển khai kế hoạch nâng cao chỉ số PCI.

9. Văn hóa - xã hội:

- Giáo dục - Đào tạo: Rà soát, đánh giá để nâng cao hiệu quả công tác sắp xếp mạng lưới trường lớp học và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai Đề án xây dựng phân hiệu Đại học Nông lâm TPHCM trở thành phân hiệu mạnh tại Tỉnh; chỉ đạo khắc phục kịp thời tình trạng giảm sút quy mô đào tạo và dạy nghề;

- Y tế: Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để tiếp tục giảm thiểu số bệnh nhân điều chuyển tuyến trên; tăng cường công tác phòng chống và kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh trong mùa hè, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Văn hoá thông tin-Phát thanh truyền hình-Thể dục thể thao: Tập trung tuyên truyền các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh; làm tốt công tác chuẩn bị cho Đại hội Thể dục thể thao tỉnh lần thứ VI và Lễ hội Nho, Vang và Biển Ninh Thuận 2018;

- Tập trung triển khai thực hiện tốt chính sách người có công, Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững "không để ai bị bỏ lại phía sau"; rà soát, đánh giá để nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với xuất khẩu lao động.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách công vụ, tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, dân vận chính quyền.

11. Tập trung thực hiện tốt công tác chuẩn bị diễn tập Khu vực phòng thủ tại các huyện Thuận Nam, Ninh Phước; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết các

khiếu nại tố cáo; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí; giảm các tệ nạn xã hội, phạm pháp hình sự; tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm chế có hiệu quả tai nạn giao thông.

12. Tập trung chỉ đạo hoàn thành tốt nhất các Nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2018./.

Nơi nhận:

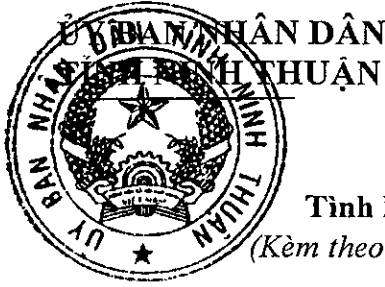
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (2b);
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ TC, Bộ KH và ĐT, TC Thống kê;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan thuộc TU, các ĐT;
- Các cơ quan TW trên địa bàn;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện- thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, CV.
- Lưu: VT.VAL

(Báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội quý I năm 2018
(Kèm theo Báo cáo số 99 /BC-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh)

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2017	KH năm 2018	ƯTH quý I năm 2018	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
A. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
1. Giá trị sản xuất các ngành	Tỷ đồng	6.042,9	31.533,3	6.735,8	111,5	21,4
- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	1.601,7	10.923,5	1.767,8	110,4	16,2
Trong đó: + Nông, lâm nghiệp	"	478,5	5.024,3	490,8	102,6	9,8
+ Thủy sản	"	1.123,2	5.899,2	1.276,9	113,7	21,6
- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	1.735,2	10.223,5	1.962,3	113,1	19,2
Trong đó: + Công nghiệp	"	1.347,8	6.660,0	1.547,8	114,8	23,2
+ Xây dựng	"	387,4	3.563,5	414,5	107,0	11,6
- Dịch vụ	Tỷ đồng	2.706,0	10.386,3	3.005,8	111,1	28,9
2. Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	501,3	2.300	573,0	114,3	24,9
Trong đó: - Thu nội địa:	"	500,9	2.260	570,0	113,8	25,2
+ Thu cân đối	"	487,6	2.015	469,1	96,2	23,3
+ Thu quản lý qua NSNN	"	13,3	245	101,0	760,7	41,2
- Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	"	0,5	40	3,0	631	7,5
3. Tổng chi NS địa phương	Tỷ đồng	1.270,0	5.275,8	1.300	102,4	24,6
4. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	9,2	85	13,8	149,7	16,2
Trong đó: + Thủy sản xuất khẩu	"	4,0	34	7,9	198,0	23,3
+ Nông sản xuất khẩu	"	4,7	44	5,4	113,0	12,2
5. Số LĐ được giải quyết việc làm mới	Người	4.692	15.500	4.565	97,3	29,5
B. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH						
I. Ngành Nông lâm, thủy sản						
Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.601,7	10.923,5	1.767,7	110,4	16,2
Trong đó:						
1. Ngành Nông, lâm nghiệp						
Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	478,5	5.024,3	490,8	102,6	9,8
1.1 Ngành nông nghiệp						
- Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	475,1	4.993,7	487,3	102,6	9,8
Trong đó: + Trồng trọt	"	196,4	3.627,9	186,5	94,9	5,1
+ Chăn nuôi	"	272,6	1.139,5	294,6	108,1	25,9
+ Dịch vụ	"	6,1	226,3	6,3	102,1	2,8
a/ Sản xuất vụ Đông xuân:						
- Tổng diện tích gieo trồng	Ha	25.306	26.000	26.193	103,5	100,7
+ Cây lương thực						
* Cây lúa: Diện tích	Ha	16.743	16.630	16.976	101,4	102,1
Sản lượng	Tấn	105.638	103.106	108.262	102,5	105,0
* Cây bắp: Diện tích	Ha	2.467	3.100	2.867	116,2	92,5
Sản lượng	Tấn	13.839	13.950	15.186	109,7	108,9
+ Cây công nghiệp ngắn ngày						

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2017	KH năm 2018	U' TH quý I năm 2018	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
* Cây mía: Diện tích trồng mới	Ha	293	450	21	7,2	4,7
Sản lượng	Tấn					
* Cây thuốc lá: Diện tích	Ha	72	70	50	69,4	71,4
Sản lượng	Tấn	126	140	105	83,3	75,0
+ Cây ăn quả						
* Cây nho:						
Diện tích thu hoạch	Ha	1.197,0	1.300	1.125,0	94,0	86,5
Sản lượng thu hoạch	Tấn	9.576	40.300	8.434	88,1	20,9
* Cây táo:						
Diện tích thu hoạch	Ha	890	960	896	100,7	93,3
Sản lượng thu hoạch	Tấn	8.011	34.600	7.915	98,8	22,9
b/ Chăn nuôi:						
- Quy mô tổng đàn gia súc	10 ³ con	475,066	517,870	519,460	109,3	100,3
+ Quy mô tổng đàn gia súc có sừng	10 ³ con	397,206	423,870	424,499	106,9	100,1
Trâu, bò	"	116,326	117,870	117,588	101,1	99,8
Đê, cừu	"	280,880	306,0	306,911	109,3	100,3
+ Tổng đàn lợn	"	77,860	94,0	94,961	122,0	101,0
- Quy mô tổng đàn gia cầm	Triệu con	1,344	1,6	1,668	124,1	104,3
- Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	6.431	25.300	6.557	102,0	25,9
Trong đó: + Sản lượng thịt hơi gia súc	"	5.190	21.000	5.303	102,2	25,3
+ Sản lượng thịt hơi gia cầm	"	1.241	4.300	1.254	101,1	29,2
1.2 Ngành lâm nghiệp						
* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010):	Tỷ đồng	3,3	30,6	3,5	104,7	11,4
- Trồng rừng phòng hộ và đặc dụng	Ha		280			
- Giao khoán bảo vệ rừng	"	66.366	66.366	65.703	99,0	99,0
- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	3.530	3.530	3.514	99,5	99,5
2. Ngành Thủy sản						
* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.123,3	5.899,2	1.276,9	113,7	21,6
Trong đó: + Khai thác	"	750,8	4.138,4	906,0	120,7	21,9
+ Nuôi trồng	"	372,5	889,9	370,9	99,6	41,7
Trong đó: Sản xuất giống	"	216,4	870,9	278,1	128,5	31,9
a/ Khai thác:						
- Năng lực khai thác: Chiếc	Chiếc	2.761	2.795	2.504	90,7	89,6
Công suất	CV	316.231	370.000	373.264	118,0	100,9
+ Năng lực mới tăng thêm: Chiếc	Chiếc	7	24	11	157,1	45,8
Công suất	CV	4.840	24.871	7.610	157,2	30,6
- Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn	24.304	105.418	25.406	104,5	24,1
b/ Nuôi trồng:						
- Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	1.504,7	10.135	930,5	61,8	9,2
Trong đó: Sản lượng tôm thịt	"	936	7.850	631	67,4	8,0
- Sản xuất giống thủy sản	Triệu con	5.192	25.100	8.500	163,7	33,9
Trong đó: + Sản lượng tôm giống	"	5.192	25.000	8.500	163,7	34,0
II. Ngành Công nghiệp - Xây dựng						
1. Giá trị sản xuất toàn ngành (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	1.735,2	10.223,5	1.962,3	113,1	19,2
Trong đó: + Công nghiệp	"	1.347,8	6.660,0	1.547,8	114,8	23,2

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2017	KH năm 2018	UTH quý I năm 2018	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
+ Xây dựng	"	387,4	3.563,5	414,5	107,0	11,6
2. Các sản phẩm chủ yếu						
- Muối các loại	Tấn	15.998	200.000	70.129	438,4	35,1
- Muối chế biến	Tấn	17.478	120.000	16.492	94,4	13,7
- Đường RS	Tấn	10.827	21.000	11.483	106,1	54,7
- Chế biến tôm đông lạnh	Tấn	861,8	6.000	1.454,6	168,8	24,2
- Xi măng	Tấn	38.161	175.000	38.693	101,4	22,1
- Gạch các loại	Triệu viên	21,4	120	20,2	94,0	16,8
- Nhân hạt điều	Tấn	490,3	4.000	545,4	111,2	13,6
- Sản phẩm may mặc	Triệu SP	0,651	3,1	0,886	136,1	28,6
- Tinh bột mỳ	Tấn	8.152	16.000	6.821	83,7	42,6
- Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	535,7	4.000	696,4	130,0	17,4
- Điện thương phẩm	Triệu kwh	121,7	580	138,7	114,0	23,9
- Nước máy ghi thu	Triệu m ³	3,962	18,5	4,230	106,8	22,9
- Nước yếm	10 ³ lít	12,8	65	14,5	112,8	22,3
- Điện sản xuất	Triệu kwh	378,4	1.650	358,3	94,7	21,7
- Thuốc lá điều	Triệu bao	6,0	27	5,2	86,7	19,3
- Đá ốp lát granite	Ngàn m ²	39,8	230	44,8	112,7	19,5
- Đá xây dựng	Ngàn m ³	190,2	1.100	190,9	100,4	17,4
- Bia	Triệu lít	16,2	75	17,2	106,3	23,0
- Gạch không nung	Triệu viên	2,7	40	5,2	191,3	13,1
- Sản xuất khăn	Tấn	752	4.200	838	111,4	20,0
- Rau câu	Tấn	15	120	14	93,4	11,7
- Bao bì giấy	Tấn	105	650	115	109,5	17,7
- Nha Đam	Tấn	1.002	5.000	1.048	104,6	21,0
III. Bưu chính - Viễn thông						
1. Số máy điện thoại/100 dân	Máy	7,9	7,8	7,3	92,3	93,6
2. Số thuê bao internet/100 dân	"	21,0	26,0	24,2	115,0	93,1
IV. Giao thông vận tải						
1. Khối lượng hàng hoá luân chuyển	10 ³ T*km	119.464	556.950	126.153	105,6	22,7
2. Khối lượng hành khách luân chuyển	10 ³ ng*km	97.309	567.650	105.583	108,5	18,6
V. Thương mại dịch vụ du lịch						
1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội	Tỷ đồng	4.309	20.930	4.876,7	113,2	23,3
2. Khách du lịch	10 ³ người	655,4	2.100	735,5	112,2	35,0
- Khách quốc tế	"	43,5	100	45,5	104,4	45,5
- Khách nội địa	"	611,9	2.000	690,1	112,8	34,5
3. Doanh thu ngành du lịch	Tỷ đồng	217,2	1.000	234,0	107,7	23,4
VI. Kim ngạch xuất nhập khẩu						
1. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	9,2	85	13,8	149,7	16,2
Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu						
+ Hàng thủy sản	Triệu USD	4,0	34	7,9	198,0	23,3

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH quý I năm 2017	KH năm 2018	UTH quý I năm 2018	So sánh (%)	
					CK	KH
A	B	1	2	3	4= 3/1	5= 3/2
+ Hàng nông sản	"	4,7	44	5,4	113,0	12,2
2. Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	1,2	28	3,4	285,1	12,2
VII. Thu chi ngân sách						
1. Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	501,3	2.300	573,0	114,3	24,9
Trong đó: - Thu nội địa	"	500,9	2.260	570	113,8	25,2
+ Thu cân đối	"	487,6	2.015	469,1	96,2	23,3
Trong đó: Thu từ DNNN Trung ương	"	152,1	749	203,9	134,1	27,2
Thu từ DNNN Địa phương	"	14,6	65	8,0	54,9	12,3
Thu từ DN có vốn ĐTNN	"	74,3	160	51,0	68,6	31,9
Thu từ CNT-DVNQD	"	66,1	315	59,8	90,4	19,0
Thu tiền sử dụng đất	"	28,1	100	13,0	46,3	13,0
Các khoản phí, lệ phí	"	13,6	48	12,0	88,0	25,0
+ Thu quản lý qua NSNN	"	13,3	245	101,0	760,7	41,2
- Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	0,5	40	3,0	631	7,5
2. Tổng chi NSDP	Tỷ đồng	1.270	5.275,8	1.300	102,4	24,6
VIII. Ngân hàng (Số thời điểm 31/12/2017)						
1. Tổng dư nợ	Tỷ đồng	17.767	20.870	18.200	102,4	87,2
Trong đó: + Dư nợ trung và dài hạn	"	9.302	11.140	9.450	101,6	84,8
2. Huy động nguồn vốn tại địa phương	Tỷ đồng	11.011	12.080	11.250	102,2	93,1